

*DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.x*

TỰA được VIẾT HOA, IN ĐẬM, Ngắn gọn, mô tả nội dung nghiên cứu, KHÔNG VIẾT TẮT

Tác giả chính1\*, Đồng tác giả2 và Đồng tác giả1

1Đơn vị công tác

2Đơn vị công tác

\*Tác giả liên hệ (Corresponding author): Email

|  |  |
| --- | --- |
| ***Thông tin chung (Article Information)****Nhận bài (Received): dd/mm/yyyySửa bài (Revised): dd/mm/yyyy**Duyệt đăng (Accepted): dd/mm/yyyy***Title:** Title is italicized with the first letter and proper nouns capitalized ***Author(s):*** *Main author1\*, Co-author2 and Co-author1* **Affiliation(s):** 1Affiliation of Main author and Co-author 12, Affiliation of Co-author 2 | TÓM TẮTPhần Tóm tắt được viết in nghiêng, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 10 với dung lượng tối đa 200 từ. Tóm tắt được trình bày ngắn gọn bao gồm: mục đích nghiên cứu, phương pháp sử dụng, kết quả chính, kết luận và ý nghĩa. Từ viết tắt chỉ được dùng khi nó được lặp lại ít nhất hai lần và được giới thiệu đầy đủ ở lần viết đầu tiên. Tài liệu tham khảo không được trích dẫn trong phần Tóm tắt.**Từ khóa:** Thứ tự ABC, in nghiêng, tối đa 6 từ khóa, cách nhau bằng dấu phẩyABSTRACTAbstract should be no more than 200 words in length. It should briefly state the purpose of the research, methods used, primary results, and major conclusions. It should not contain any undefined abbreviations or unspecified references. If abbreviations are essential (repeated two times at least), they must be defined at their first mention in the Abstract.**Keywords:** Alphabetical order, italicized, maximum six keywords, separated by commas |

# GIỚI THIỆU

Các nội dung được trình bày trong phần này như: bối cảnh, thực trạng vấn đề nghiên cứu, tầm quan trọng của nghiên cứu, tổng quan tài liệu, xác định vấn đề nghiên cứu, chỉ ra tính mới của nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu; tránh trình bày dài dòng, chi tiết hoặc chỉ liệt kê, tóm tắt những nghiên cứu trước.

# PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu được mô tả một cách đầy đủ, chi tiết để các nhà nghiên cứu khác có thể áp dụng được. Các nội dung cụ thể như: thiết kế nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, địa điểm và thời gian nghiên cứu, cỡ mẫu và chọn mẫu, công cụ nghiên cứu và kỹ thuật thu thập thông tin, phân tích dữ liệu,…

Các phương pháp đã được công bố phải được trích dẫn nguồn và được mô tả nếu có sự điều chỉnh.

# KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Những kết quả/phát hiện qua nghiên cứu được trình bày trong phần này, để trả lời được các câu hỏi nghiên cứu; nên trình bày những kết quả quan trọng, đồng thời trình bày theo thứ tự hợp lý; diễn giải ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, không đơn thuần lặp lại số liệu có trong bảng/hình, đặc biệt trung thực với kết quả. Các thảo luận, giải thích, so sánh với kết quả của các nghiên cứu trước cũng được trình bày. Những hạn chế của nghiên cứu được nêu ra nếu có.

## Cách viết các tiêu mục

Bài viết không có quá bốn cấp tiêu mục. Cách viết các tiêu mục được trình bày trong Bảng 1.

**Bảng 1. Cách viết các mục và tiểu mục**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cấp tiêu mục** | **Cách thức trình bày** | **Ví dụ** |
| Tiêu mục cấp 1 | **1. VIẾT HOA, IN ĐẬM** | **1. GIỚI THIỆU** |
| Tiêu mục cấp 2 | **1.1. Viết hoa chữ cái đầu, in đậm** | **2.1. Phân lập và định danh sơ bộ các dòng nấm men** |
| Tiêu mục cấp 3 | *1.1.1. Viết hoa chữ cái đầu, in nghiêng* | *3.1.1. Đặc điểm hình thái của nấm men phân lập* |
| Tiêu mục cấp 4 | *Không đánh số, in nghiêng* | *Ảnh hưởng của các nguồn nitrogen* |

## Bảng và hình

### Bảng

Bảng 2. Tiêu đề của bảng nằm trên bảng, in đậm, canh trái

| **Mẫu**  | **Fe3O4** | **Fe3O4@SiO2** |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Độ từ hóa Ms (emu/g) | 90,54 | 68,42 |  |
| Lực kháng từ Hc (Oe) | 47,91 | 11,61 |  |
| Độ từ dư Mr (emu/g) | 9,099 | 2,279 |  |

Ghi chú: size chữ 9 pt, in nghiêng

Bảng phải được trình bày rõ và dễ đọc; có không quá 7 cột số liệu và được đánh số theo số thứ tự, ví dụ: Bảng 1, Bảng 2,... Tiêu đề của bảng nằm phía trên bảng, canh trái, in đậm, viết hoa chữ cái đầu tiên, không có dấu chấm ở cuối tựa. Nếu sử dụng bảng từ tài liệu khác thì phải trích dẫn nguồn. Nguồn trích dẫn được đặt dưới cùng của bảng, trong ngoặc đơn, in nghiêng.

### Hình

Hình được trình bày rõ và dễ đọc. Hình được đánh số theo số thứ tự, ví dụ: Hình 1, Hình 2,… Tiêu đề của hình nằm phía dưới hình, canh giữa, in đậm, viết hoa chữ cái đầu tiên, không có dấu chấm ở cuối tiêu đề. Nếu hình được sử dụng từ tài liệu khác thì phải trích dẫn nguồn. Nguồn trích dẫn được đặt dưới hình, trong ngoặc đơn, in nghiêng.



Hình 1. Tiêu đề của hình nằm dưới hình, in đậm, canh giữa

 *Ghi chú: size chữ 9 pt, in nghiêng*

## Đơn vị đo lường

Cách viết đơn vị đo lường được hướng dẫn trong Bảng 2.

**Bảng 2. Cách viết đơn vị đo lường**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đơn vị đo lường** | **Cách ghi** |
| Chiều dài, diện tích, thể tích | mm, cm, km, mm2, cm2, m3, µL, mL, L,… |
| Khối lượng | g, kg, ng, µg, mg, kg, t, Da, kDa,… |
| Nồng độ | nM, µM, mM, M, %, µg/L, mg/L, g/L,… |

Đơn vị được viết cách số một khoảng trắng (ví dụ: 5 L, 5 kg, 5 ppm,…) trừ phần trăm và nhiệt độ (ví dụ: 5%, 60°C). Số thập phân dùng dấu phẩy và số từ hàng ngàn trở lên dùng dấu chấm. Phương pháp dùng số thập phân căn cứ vào mức độ đo lường của phương pháp nghiên cứu.

## Tên khoa học

Tên khoa học được viết in nghiêng, viết từ đầy đủ ở tựa bài và trong lần viết đầu tiên, về sau cần

nhất quán sử dụng từ viết tắt trong toàn bài, ví dụ: viết đầy đủ *Escherichia coli* ở lần viết đầu tiên, *E. coli* từ lần viết thứ hai.

## Từ viết tắt

Từ viết tắt được sử dụng khi nó được lặp lại ít nhất hai lần trong bài. Từ viết tắt cần được giới thiệu ở lần xuất hiện đầu tiên, về sau cần nhất quán sử dụng trong toàn bài.

## Phương trình

Phương trình hay công thức được viết xuống dòng riêng và canh giữa, có thể dùng Equation hoặc MathType để viết công thức.

(dhkl)-2 = (h2 + k2 + l2). a-2 (1)

## Trích dẫn

### Trích dẫn trong bài viết

Kiểu trích dẫn APA (American Psychological Association – Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ) được sử dụng trong bài viết. Theo đó, đối với tài liệu tiếng Anh, họ tác giả và năm được trích dẫn vào bài viết. Đối với tài liệu tiếng Việt, tên tác giả và năm được trích dẫn vào bài viết.

**Bảng 3. Cách trích dẫn trong bài viết**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại trích dẫn** | **Trích dẫn trong ngoặc đơn (Parenthetical citation)** | **Trích dẫn trong câu** **(Narrative citation)** |
| **Một tác giả**Ghi tác giả và năm | (Hường, 2013)(Tain, 1999) | Hường (2013)Tain (1999) |
| **Hai tác giả**Ghi hai tác giả và năm | (Deharveng & Bedos, 2000) (Hồ & Lư, 2003) | Deharveng and Bedos (2000)Hồ và Lư (2003) |
| **Ba tác giả trở lên**Ghi tác giả đầu tiên, theo sau là “và ctv.” hoặc “et al.” và năm  | (Aron et al., 2019)(Hiền và ctv., 2016)\*"và ctv.", "et al." không viết in nghiêng | Aron et al. (2019)Hiền và ctv. (2016) |
| **Tác giả là một cơ quan, tổ chức**Ghi tên cơ quan và năm (Tên cơ quan có thể viết tắt nếu được trích dẫn hơn một lần trong bài) |  (United States Government Accountability Office, 2019)\*Trích dẫn lần đầu: (Food and Agriculture Organization of the United Nations [FAO], 1977)\*Trích dẫn lần sau:(FAO, 1977) | United States Government Accountability Office (2019)\*Trích dẫn lần đầu:Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO, 2020)\*Trích dẫn lần sau:FAO (1977) |
| **Nhiều tài liệu**Sắp xếp các tài liệu theo năm xuất bản tăng dần. Nếu các tài liệu có cùng năm xuất bản, thì sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. | (Hồng và ctv. 2014; Hiền và ctv., 2016; Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2017; Cảnh, 2017; Aron, 2019; Belcher, 2019)\*Mỗi tài liệu cách nhau bằng dấu chấm phẩy  | Hồng và ctv. (2014), Hiền và ctv. (2016), Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Cảnh 92017), Aron (2019) và Belcher (2019)  |
| **Nhiều tài liệu cùng cách trích dẫn tác giả**Ghi tác giả và các năm theo thứ tự tăng dần | (Vuong et al., 2018, 2019b)(Cảnh, 2017, 2020) | Vuong et al. (2018, 2019b)Cảnh (2017, 2020) |
| **Nhiều tài liệu cùng cách trích dẫn tác giả và cùng năm xuất bản**Ghi tác giả và năm kèm theo chữ cái a, b, c,… | (Vuong et al., 2019a, 2019b)(Thanh và ctv., 2021a, 2021b) | Vuong et al. (2019a, 2019b)Thanh và ctv. (2021a, 2021b) |
| **Trích dẫn từ nguồn thứ cấp**Ghi tác giả và năm (nếu có) của tài liệu gốc kèm “trích dẫn bởi” hoặc “as cited in” tác giả và năm của tài liệu thứ cấp | (Garrison, 2011, as cited in Kattoua et al., 2016)(Hinh và ctv., 2003, trích dẫn bởi Tuấn & Minh, 2015)\*Trong danh mục TLTK chỉ liệt kê tài liệu thứ cấp (Kattoua et al., 2016; Tuấn & Minh, 2015) | Garrison (2011, as cited in Kattoua et al., 2016) Hinh và ctv. (2013, trích dẫn bởi Tuấn & Minh, 2015) |
| **Trích dẫn nguyên văn**Ghi tác giả, năm và trang viết.Đoạn trích dưới 40 từ: để trong ngoặc kép.Đoạn trích trên 40 từ: viết riêng đoạn mới, lùi đầu dòng, không dấu ngoặc kép. | “Riêng hai tiếng Cần Thơ trong sử không có ghi chép rõ ràng như các tỉnh khác” (Minh, 1966, trích dẫn bởi Cảnh, 2020, tr. 232). Nguồn gốc tên gọi “Cần Thơ” do dân gian truyền lại như sau:Tương truyền lúc chúa Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu vào Nam đã đi qua nhiều nơi để tránh Tây Sơn mưu đồ phục quốc. Lúc bấy giờ Ngài ngự trên một chiếc thuyền đi ngang dòng sông Hậu, thuộc địa phận huyện Phong Phú thả thuyền theo sóng gió lênh đênh trên mặt nước, bỗng nghe tiếng ngâm thơ, đàn địch, hò hát, hòa nhau rất nhịp nhàng. Ngài xúc động và đặt tên con sông này là Cầm Thi giang. Lần lần hai tiếng Cầm Thi được lan rộng ra dân chúng, được đọc trại là “Cần Thơ”. (Minh, 1966, trích dẫn bởi Cảnh, 2020, tr. 232) | Trong sách Cần Thơ xưa và nay, soạn giả Minh (1966, trích dẫn bởi Cảnh, 2020) cũng cho rằng: “Riêng hai tiếng “Cần Thơ” trong sử không có ghi chép rõ ràng như các tỉnh khác” (tr. 232). Minh (1966, trích dẫn bởi Cảnh, 2020) đã đề cập đến nguồn gốc tên gọi “Cần Thơ” do dân gian truyền lại như sau:Tương truyền lúc chúa Nguyễn Ánh trên đường bôn tẩu vào Nam đã đi qua nhiều nơi để tránh Tây Sơn mưu đồ phục quốc. Lúc bấy giờ Ngài ngự trên một chiếc thuyền đi ngang dòng sông Hậu, thuộc địa phận huyện Phong Phú thả thuyền theo sóng gió lênh đênh trên mặt nước, bỗng nghe tiếng ngâm thơ, đàn địch, hò hát, hòa nhau rất nhịp nhàng. Ngài xúc động và đặt tên con sông này là Cầm Thi giang. Lần lần hai tiếng Cầm Thi được lan rộng ra dân chúng, được đọc trại là “Cần Thơ”. (tr. 232) |

### Danh mục Tài liệu tham khảo

Danh nục tài liệu tham khảo chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn trong bài viết và không sử dụng chú thích ở cuối trang (footnote) để thay thế cho danh mục tài liệu tham khảo. Tài liệu tham khảo được liệt kê theo định dạng APA, trong đó:

Đối với tài liệu tiếng Anh, họ tác giả được viết trước và viết đầy đủ; chữ đệm (nếu có) và tên tác giả viết chữ cái đầu có dấu chấm. Đối với tài liệu tiếng Việt, tên tác giả được viết trước và viết đầy đủ, họ và chữ đệm (nếu có) viết chữ cái đầu có dấu chấm.

Các tác giả được viết cách nhau bằng dấu phẩy, thêm ký hiệu “&” vào trước tác giả cuối cùng, sau DOI/URL không có dấu chấm, thụt đầu dòng từ dòng thứ hai của mỗi tài liệu tham khảo.

Trong danh mục tài liệu tham khảo, các tài liệu được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái. Một số trường hợp đặc biệt sau:

1. Nếu các tài liệu giống nhau về cách trích dẫn vào bài viết nhưng khác năm xuất bản, thì sắp xếp các tài liệu theo năm xuất bản tăng dần.
2. Các tài liệu giống nhau về cách trích dẫn vào bài viết và cùng năm xuất bản thì được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái của các tác giả, đồng thời thêm vào các chữ cái a, b, c,… sau năm xuất bản (Nếu các tác giả giống nhau, thì sắp xếp theo tựa bài viết).
3. Nếu hai tài liệu giống nhau về cách ghi tác giả đứng đầu, thì tài liệu có một tác giả được xếp trước.

# Kết luận

Kết luận phải rõ ràng, cô đọng trên cơ sở kết quả của nghiên cứu; nêu ý nghĩa của nghiên cứu, đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo; không lặp lại kết quả nghiên cứu.

# Lời cảm tạ (nếu có)

Các cơ quan, cá nhân đã tài trợ nghiên cứu, hay hỗ trợ về tài chính/kỹ thuật cho tác giả được cảm ơn ở phần này; bên cạnh đó cảm ơn đồng nghiệp đã giúp đỡ nghiên cứu, nhưng chưa đủ tiêu chuẩn để đứng tên tác giả; cảm ơn đối tượng nghiên cứu đã tham gia;… Tên các cá nhân, tổ chức phải được viết đầy đủ.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Aron, L., Botella, M., & Lubart, T. (2019). Culinary arts: Talent and their development. In R. F. Subotnik, P. Olszewski-Kubilius, & F. C. Worrell (Eds.), *The psychology of high performance: Developing human potential into domain-specific talent* (pp. 345–359). American Psychological Association. <https://doi.org/10.1037/0000120-016>

Belcher, W. (2019). *Writing your journal article in twelve weeks: A guide to academic pub-lishing success* (2nd ed.). University of Chicago Press.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2017). *Quyết định ban hành quy trình quản lý văn bản trong môi trường mạng của Bộ Giáo dục và Đào tạo* (Số 1224/QĐ-BGDĐT). http://www.moet.gov.vn/van-ban/vbdh/Pages/chi-tiet-van-ban.aspx?ItemID=2176

Cảnh, Đ. N. (2017). Thực trạng và phương pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, *54*(7), 117-121. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.131

Cảnh, Đ. N. (2020). Bàn về nguồn gốc và ý nghĩa địa danh “Cần Thơ”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, *57*(3), 229-235. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.105

Cảnh, Đ. N., Khanh, C. M., & Giang, Đ. V. H. (2017). Nhận thức của các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch ở thành phố Cần Thơ về biến đổi khí hậu. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, *48*, 19-26. https://doi.org/ 10.22144/jvn.2017.640

Deharveng, L., & Bedos, A. (2000). Vietnura caerulea, new genus, new species from Vietnam: First record of the Palaearctic the tribe Neanurini in tropical Asia (Collembola: Neanuridae). *The Raffles Bulletin of Zoology*, *48*(2), 209–214.

FAO. (1977). *Guidelines for soil profile descriptio*n (2nd ed.). Soil Resources Development and Conservation Service, Land and Water Development Division, FAO.

Hiền, T. T. T., Tú, T. L. C., & Glencross, B. (2016). Dinh dưỡng và thức ăn cá tra (Pangasianodon hypophthalmus). Trong N. T. Phương, & N. A. Tuấn (Chủ biên), *Nuôi cá tra (Pangasianodon hypophthalmus) ở đồng bằng sông Cửu Long: Thành công và thách thức trong phát triển bền vững* (trang 109-136). Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

Hồ, T. B., & Lư, N. T. (2003). *Kỹ thuật nuôi tôm thẻ chân trắng*. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.

Hồng, N. T. B., Dương, N. T. K., Phương, N. T. M., & Thịnh, P. P. (2014). *Nhân giống dừa sáp bằng kỹ thuật nuôi cấy phôi*. http://hiephoiduabentre.com.vn/index.php?Module=Content&Action=view&id=4633&Itemid=2

Kattoua, T., Al-Lozi, M., & Alrowwad, A. (2016). A review of literature on E-learning systems in higher education. *International Journal of Business Management and Economic Research*, *7*(5), 754-762.

Neuburger, H. (2018). *How innovative companies are leading the way regarding company culture. EU Startup*. https://www.eu-startups.com/2018/04/how-innovative-companies-are-leading-the-way-regarding-company-culture

Thanh, L. H. V., Anh, T. T. P., Kiệt, N. T., & Đức, L. (2021a). Tổng hợp vật liệu nano Fe3O4@SiO2 cấu trúc lõi vỏ có độ từ hóa cao. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, *57*(3), 53-64. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.085

Thanh, L. H. V., Hân, K. G., Hân, N. N., Pha, B. Y., & Mai, N. T. N. (2021b). Tổng hợp vật liệu Fe3O4@SiO2 đính Fe0 và xử lý methyl blue trong nước. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, *57*(4), 40-52. <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.112>

Tuấn, L. A., & Minh, V. Q. (2015). Phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến thưc hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thành phố Cần Thơ dưới sự hỗ trợ của GIS. *Kỷ yếu hội nghị GIS toàn quốc 2015* (trang 643-647). <https://sj.ctu.edu.vn/ql/docgia/kyyeuhoinghitrongnuoc-2015/baibao-30971.html?page_current=5>

United States Government Accountability Office. (2019). *Performance and accountability report: Fiscal year 2019*. <https://www.gao.gov/assets/710/702715.pdf>

Vuong, T. B., Cootes, J., Tam, T. Q. & Son, D. V. (2018). Liparis atrosanguinea Ridl. (Orchidaceae) - A New Record for Vietnam in Phu Quoc Park, Kien Giang Province. *Die Orchidee*, *4*(1), 1–6.

Vuong, T. B., Dung, L. M., Quan, N. H., Hau, N. P., & Cootes J. (2019a). New records of three minature Orchids from Phu Quoc National Park, Vietam. *Die Orchidee*, *5*(5), 35–43.

Vuong, T. B., Ormerod, P., Cootes, J. & Dung, L. M. (2019b). New records for the Orchid Flora of Vietnam from Phu Quoc National Park. *Malesian Orchid Jounrlal*, *23*, 113–119.